|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: /BC-BKHCN  DỰ THẢO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |
|  |  |

**BÁO CÁO**

**Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định). Kết quả rà soát như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**

**1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

a) Bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, các nhiệm vụ, giải pháp trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng liên quan đến: phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là KH,CN&ĐMST); liên quan đến hoàn thiện pháp luật; đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp hoạt động KH,CN&ĐMST để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời thành quy phạm pháp luật.

b) Bảo đảm việc xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý về KH,CN&ĐMST thống nhất, đồng bộ, minh bạch, phù hợp với Hiến pháp và pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan, đáp ứng yêu cầu đưa KH,CN&ĐMST đóng góp thiết thực và ngày càng hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia.

**2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**

***2.1. Các văn bản của Đảng và chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp trong các văn bản của Đảng***

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST).

*(1)* Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: *“Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững”.*

*(2)* Về đột phá chiến lược: *“Đ**ẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo;”*

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *“Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”.*

c) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với nhiều nội dung có tính cách mạng để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cụ thể:

*(1)* Về quan điểm chỉ đạo: *“4. Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế*.”

*(2)* Về nhiệm vụ, giải pháp:

- Cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ KH,CN,ĐMST và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST.

- Có cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

- Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược (ưu tiên các lĩnh vực quốc phòng, không gian, năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá…); có cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược; ban hành cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.

- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

d) Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước*”.

đ) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Tập trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống (trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu, tài sản mã hóa...) để hình thành các động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, các ngành công nghiệp mới*...”.

e)Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

*(1)* Về quan điểm chỉ đạo: *“Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của quốc gia và vươn tầm khu vực, thế giới; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số và làm giàu hợp pháp, chính đáng.”*

*(2)* Về nhiệm vụ, giải pháp:

- Doanh nghiệp, tổ chức tư nhân được sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung, trung tâm thử nghiệm, đo lường, kiểm định, giám định của Nhà nước để phát triển sản phẩm với mức phí hợp lý.

- Khẩn trương triển khai các chính sách hỗ trợ về nghiên cứu phát triển, đào tạo, tư vấn, xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ,...

***2.2. Các quy định của Hiến pháp và pháp luật***

a) Hiến pháp 2013 tại Điều 62 quy định:

*“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

*2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.*

*3. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”*

b) Luật KH,CN&ĐMST số 93/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025 giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật (trong đó quy định chi tiết nội dung các điều: 9, 11, 16, 17, 18, 19, 24, 25, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 53, 59, 70 về: chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; chương trình khoa học và công nghệ quốc gia; nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt; chương trình khoa học và công nghệ quốc gia đặc biệt; đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ; xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ chiến lược; tổng công trình sư về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, pháp triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo).

c) Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: “*Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; “đề cao phương pháp “quản lý thảo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát*.” .

**II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo**

***1.1.*** Tổng số văn bản của Đảng có chủ trương, đường lối liên quan đến dự thảo Nghị định đã được rà soát là: 05 văn bản.

***1.2.*** Kết quả rà soát cho thấy nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đã thể chế hóa các nhiệm vụ, giải pháp được giao trong các văn bản của Đảng.

**2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo**

***2.1.*** Các điều, khoản của Hiến pháp liên quan đến dự thảo Nghị định đã được rà soát và đánh giá tính hợp hiến của dự thảo Nghị định.

Hiến pháp 2013 tại Điều 62 quy định:

*“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

*2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.*

*3. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”*

***2.2.*** Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự thảo Nghị định:

- Tổng số luật: 01.

- Tổng số nghị quyết của Quốc hội: 01.

Qua rà soát cho thấy nội dung quy định của dự thảo Nghị định hợp hiến, hợp pháp, bảo đảm tính thống nhất với trong hệ thống pháp luật.

**3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định**

Qua rà soát cho thấy không có điều ước quốc tế liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo Nghị định.

**4. Phụ lục** *(xin gửi kèm theo Báo cáo này).*

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Bộ KH&CN: Vụ PC, VP Bộ, Vụ KHTC;  - Lưu: VT, CN. | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |

**Phụ lục**

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG** | | **ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)** | | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** | |
| **I. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII** | | | | | | |
| - Chương II - Chương trình, nhiệm vụ KH&CN.  Chương III - Nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, Chương trình KH&CN quốc gia đặc biệt (Điều 22, 23, 24, 25).  Chương VI - Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN quốc gia (gồm 10 điều, từ Điều 43 đến Điều 52).  - Chương VII - Chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST (gồm 11 điều, từ Điều 53 đến Điều 63). | *-* Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: *“Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững”.*  - Về đột phá chiến lược: *“Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo;”* | | Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật KHCNĐMST | |  | |
| **II. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030** | | | | | | |
| - Chương II - Chương trình, nhiệm vụ KH&CN.  Chương III - Nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, Chương trình KH&CN quốc gia đặc biệt (Điều 22, 23, 24, 25).  Chương VI - Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN quốc gia (gồm 10 điều, từ Điều 43 đến Điều 52).  - Chương VII - Chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST (gồm 11 điều, từ Điều 53 đến Điều 63). Đặc biệt là các điều: Điều 57. Cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ; Điều 58. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược | | *“Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”.* | | Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật KHCNĐMST | |  |
| **III. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia** | | | | | | |
| - Chương II - Chương trình, nhiệm vụ KH&CN.  Chương III - Nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, Chương trình KH&CN quốc gia đặc biệt (Điều 22, 23, 24, 25).  Chương VI - Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN quốc gia (gồm 10 điều, từ Điều 43 đến Điều 52).  - Chương VII - Chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST (gồm 11 điều, từ Điều 53 đến Điều 63).  Đặc biệt là các điều: Điều 53. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy phát triển nghiên cứu cơ bảnĐiều 54. Chính sách thúc đẩy phát triển nghiên cứu ứng dụng Điều 57. Cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ  Điều 58. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược Điều 59. Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | | *(1)* Về quan điểm chỉ đạo: *“4. Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế*.”  *(2)* Về nhiệm vụ, giải pháp:  - Cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ KH,CN,ĐMST và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính...  - Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST.  - Có cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.  - Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược  - Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ. | | Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật KHCNĐMST | |  |
| **IV. Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới** | | | | | | |
| Chương VIII - Hoạt động hội nhập và hợp tác quốc tế về KH,CN&ĐMST (gồm 02 điều, từ Điều 64 đến Điều 65). Điều 64. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức hợp tác song phương, đa phương, chuyển giao công nghệĐiều 65. Nhận tài trợ nước ngoài cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo | | *“Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước*”. | | Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật KHCNĐMST | |  |
| **V. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới** | | | | | | |
| - Chương VII - Chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST (gồm 11 điều, từ Điều 53 đến Điều 63).  Đặc biệt là các điều: Điều 53. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy phát triển nghiên cứu cơ bảnĐiều 54. Chính sách thúc đẩy phát triển nghiên cứu ứng dụng Điều 57. Cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ  Điều 58. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược Điều 59. Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | | “*Tập trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống (trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu, tài sản mã hóa...) để hình thành các động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, các ngành công nghiệp mới*...”. | | Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật KHCNĐMST | |  |
| **VI. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân** | | | | | | |
| Chương III - Nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, Chương trình KH&CN quốc gia đặc biệt (gồm 05 điều, từ Điều 22 đến Điều 27).  Đặc biệt là các điều: Điều 22. Tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệtĐiều 24. Tiêu chí xác định chương trình khoa học và công nghệ quốc gia đặc biệt Chương VII - Chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST (gồm 11 điều, từ Điều 53 đến Điều 63).  Đặc biệt là các điều:  Điều 54. Chính sách thúc đẩy phát triển nghiên cứu ứng dụng Điều 56. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy phát triển công nghệ Điều 57. Cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ Điều 58. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lượcĐiều 59. Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo Điều 61. Quản lý, sử dụng và xác lập quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo  Điều 62. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo  Điều 63. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | | *(1)* Về quan điểm chỉ đạo: *“Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của quốc gia và vươn tầm khu vực, thế giới; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số và làm giàu hợp pháp, chính đáng.”*  *(2)* Về nhiệm vụ, giải pháp:  - Doanh nghiệp, tổ chức tư nhân được sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung, trung tâm thử nghiệm, đo lường, kiểm định, giám định của Nhà nước để phát triển sản phẩm với mức phí hợp lý.  - Khẩn trương triển khai các chính sách hỗ trợ về nghiên cứu phát triển, đào tạo, tư vấn, xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ,... | | Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật KHCNĐMST | |  |

**2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| **I. Hiến pháp** | | | |
| - Chương VI - Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN quốc gia (gồm 10 điều, từ Điều 43 đến Điều 52).  - Chương VII - Chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST (gồm 11 điều, từ Điều 53 đến Điều 63). | *- Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.*  *- Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”* | Phù hợp |  |
| **II. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo** | | | | |
| Chương V - Quản trị rủi ro trong nghiên cứu khoa học (gồm 08 điều, từ Điều 35 đến Điều 42). | Điều 9. Chấp nhận rủi ro trong hoạt động KH,CN&ĐMST | Phù hợp |  |
| Chương II - Chương trình, nhiệm vụ KH&CN  Mục I. Nhiệm vụ KH&CN (gồm 11 điều, từ Điều 5 đến Điều 15). | Điều 11. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước | Phù hợp |  |
| Chương II - Chương trình, nhiệm vụ KH&CN Mục II. Chương trình KH&CN (gồm 06 điều, từ Điều 16 đến Điều 21). | Diều 16. Chương trình KH&CN quốc gia | Phù hợp |  |
| Chương IV - Đánh giá nhiệm vụ KH&CN (gồm 07 điều, từ Điều 28 đến Điều 34). | Điều 17. Đánh giá hoạt động KH,CN&ĐMST. | Phù hợp |  |
| Chương III - Nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, Chương trình KH&CN quốc gia đặc biệt (Điều 22, 23). | Điều 18. Nhiệm vụ KH&CN đặc biệt. | Phù hợp |  |
| Chương III - Nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, Chương trình KH&CN quốc gia đặc biệt (Điều 24, 25). | Điều 19. Chương trình KH&CN quốc gia đặc biệt; | Phù hợp |  |
| Điều 60. Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo | Điều 24. Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST | Phù hợp |  |
| Điều 61. Quản lý, sử dụng và xác lập quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | Điều 25. quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST | Phù hợp |  |
| Điều 62. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | Điều 27. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST | Phù hợp |  |
| Điều 63. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | Điều 28. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST | Phù hợp |  |
| Điều 53. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy phát triển nghiên cứu cơ bảnĐiều 54. Chính sách thúc đẩy phát triển nghiên cứu ứng dụngĐiều 55. Chính sách của Nhà nước đối với nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn | Điều 29. Nghiên cứu khoa học | Phù hợp |  |
| Điều 56. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy phát triển công nghệ | Điều 30. Phát triển công nghệ | Phù hợp |  |
| Điều 57. Cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ | Điều 31. Cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ | Phù hợp |  |
| Điều 58. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược | Điều 36. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ chiến lược | Phù hợp |  |
| Điều 27. Tổng công trình sư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ | Điều 53. Tổng công trình sư về KH,CN&ĐMST | Phù hợp |  |
| Điều 59. Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | Điều 59. Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST | Phù hợp |  |
| Điều 64. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức hợp tác song phương, đa phương, chuyển giao công nghệĐiều 65. Nhận tài trợ nước ngoài cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo | Điều 70. Thúc đẩy hội nhập, hợp tác quốc tế về KH,CN&ĐMST. | Phù hợp |  |
| **III. Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên** | | | |
| Chương IV - Đánh giá nhiệm vụ KH&CN (gồm 07 điều, từ Điều 28 đến Điều 34). | Tại điểm 2: “*Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; “đề cao phương pháp “quản lý thảo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát*.” . | Phù hợp |  |

**3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định:** không có./.